



kě		<b>一</b>	可
可	口 5 半包围	可	
yĭ	ν ν ·	以 以	
以	人 4 左右	以	
kě	— — —	一 一	可
	□ 5	F	
	半包围		
1è	1 1	午 斤	乐
乐	ノ 5 独体	头	
dōng	- t	车 左	东
东	- 5   独体	东	* * * * * * * * * * * * * * * * * * * *
ΧĪ		<b>万</b> 万	西西
西	西 6 独体	西	5
dōng	- t	车 左	<u> </u>
东	— 5   独体	东	<b>本</b>
fāng	` _	<b>宁</b> 方	, , , , , , , , , , , , , , , , , , , ,
方	方 4 独体	方	
yè	1 17	p p_	P-
<b>P</b>	口 5   左右	p	P
zĭ	7 7	子	
7	子 3 独体	2	





ΧĪ		<b></b>	西 西						
H	西 6	五	事			事			
VS	独体		47			47			
fäng	` 二	<b>宁</b> 方							
文	方 4								
	独体	7.)	7)			77			